

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 02 - 2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Khắc Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 03/2020/QĐ-TĐ, ngày 12/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh Ngô Trung H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội N, phân trại P, trại giam T, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Ngô Trung H tự nguyện tìm hiểu, yêu

thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã F, huyện M, tỉnh Bình Thuận ngày 02/4/2013, đăng ký kết hôn số 24/2013, quyền số 01/2013. Sau khi chị và anh đăng ký kết hôn được 20 ngày thì anh H bị công an bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, anh H bị tạm giam, đưa ra xét xử và chấp hành án liên tục từ đó đến nay nên thời gian chị và anh H chung sống với nhau không bao lâu, nên tình cảm của chị đối với anh H phai nhạt dần, đến nay thì chị xác định không còn tình cảm với anh H nữa và yêu cầu ly hôn anh H.

Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn Ngô Trung H trình bày: Anh và chị Bùi Thị Thùy D tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã F ngày 02/4/2013, đến ngày 22/4/2013 thì anh bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và chấp hành hình phạt tù đến nay hơn 6 năm. Từ đó đến nay anh không làm gì để chăm lo cho vợ nên nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Chị D và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ pháp luật, do hôn nhân của chị và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do anh H đi chấp hành án liên tục từ lúc anh chị mới kết hôn đến nay. Vì vậy chị D yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị ly hôn anh H là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy D và anh Ngô Trung H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã F, huyện M ngày 02/4/2013, đăng ký kết hôn số 24/2013, quyển số 01/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn được 20 ngày thì anh H bị bắt, bị xét xử và chấp hành án liên tục từ đó đến nay đã gần 6 năm, nên thời gian sống chung của anh chị không bao lâu, vợ chồng không thể thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh H nữa nên mong muốn được ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị ly hôn anh H là phù hợp.

[b] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị D là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy D ly hôn anh Ngô Trung H.

2. Về án phí DSST: Chị Bùi Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003206 ngày 03 tháng 12 năm 2019. Chị D đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Hạnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

